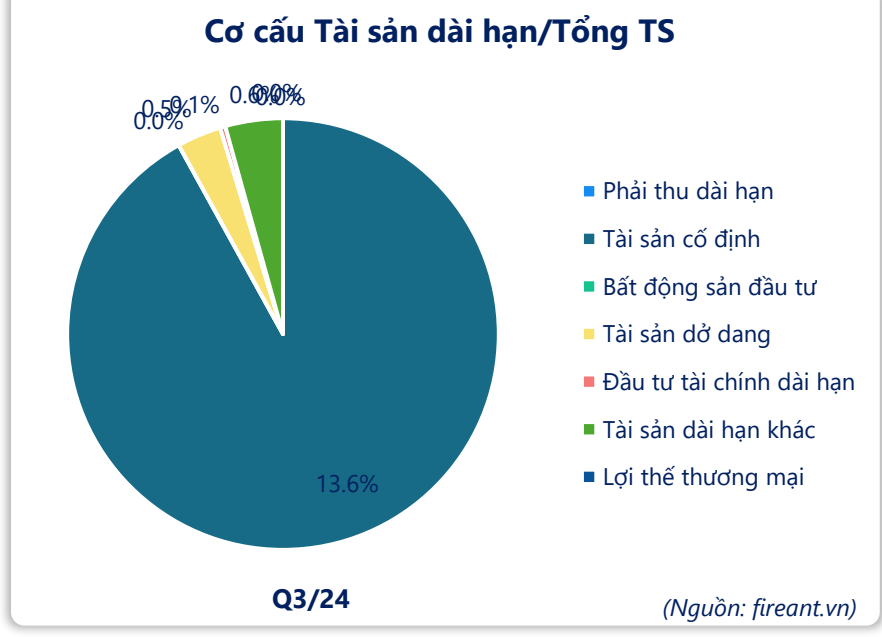
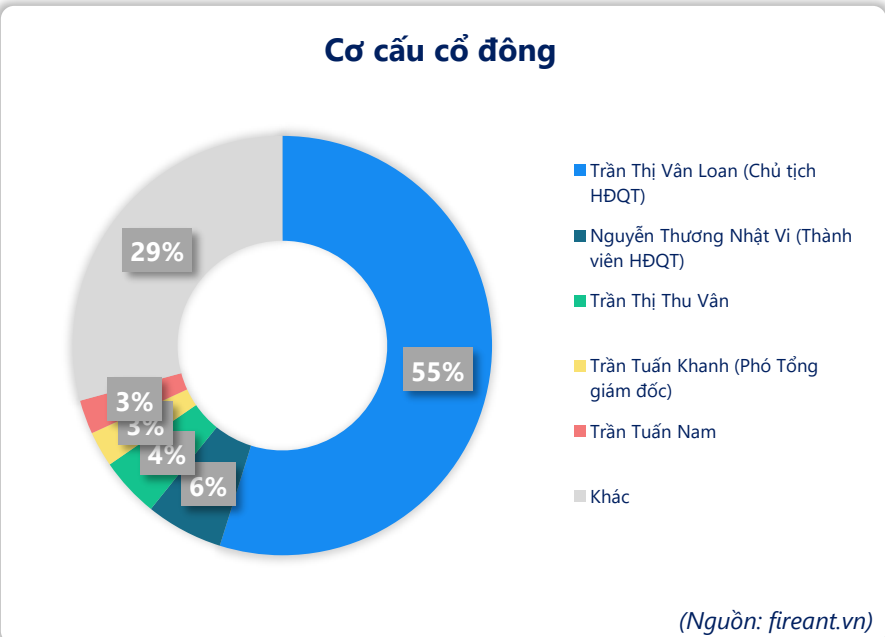
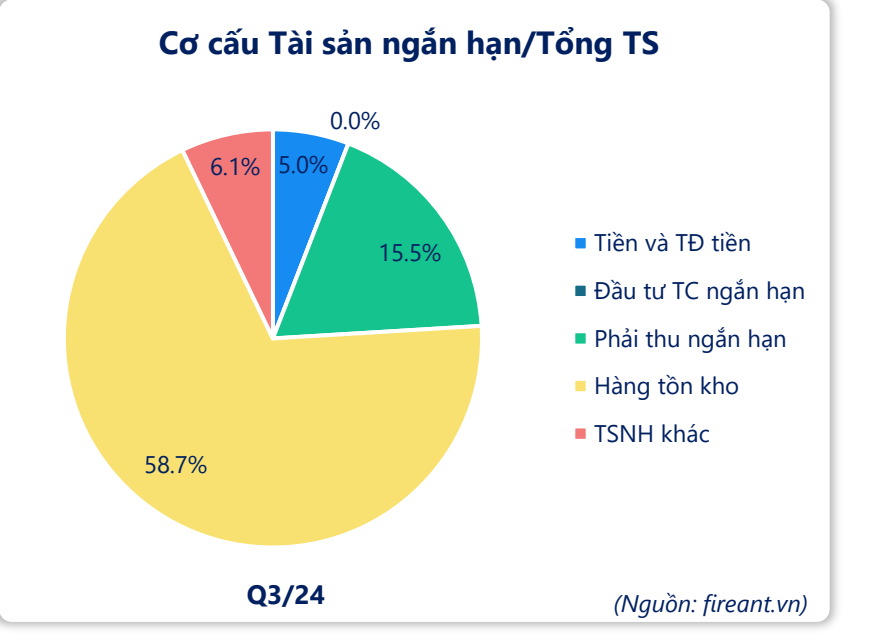
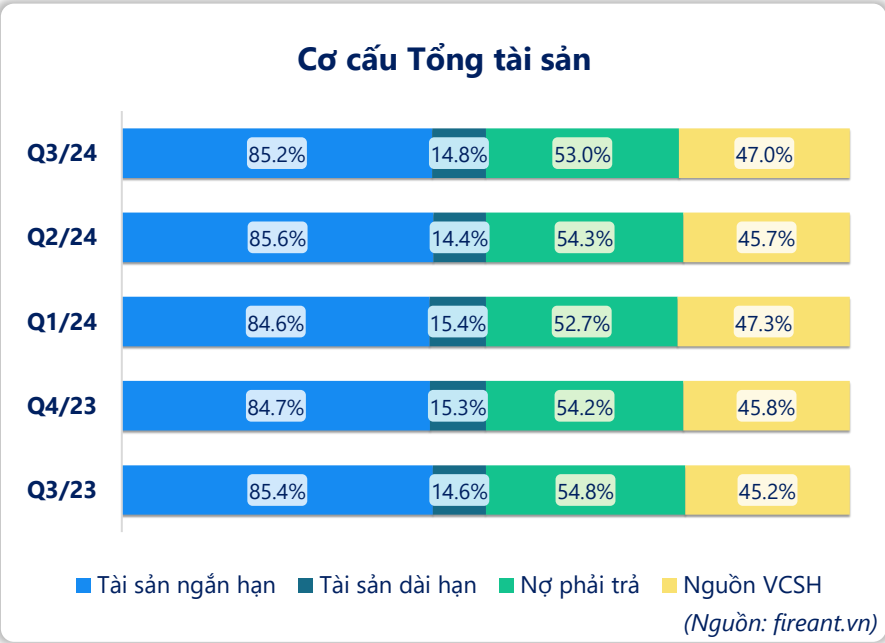
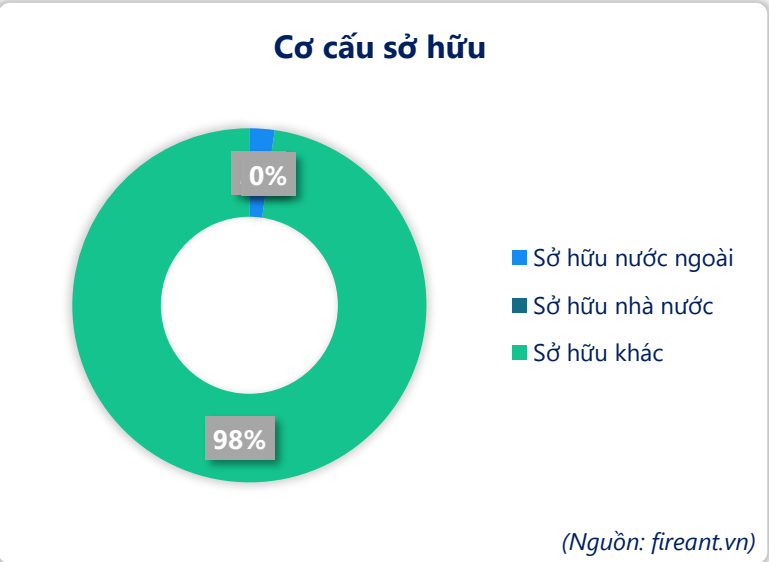
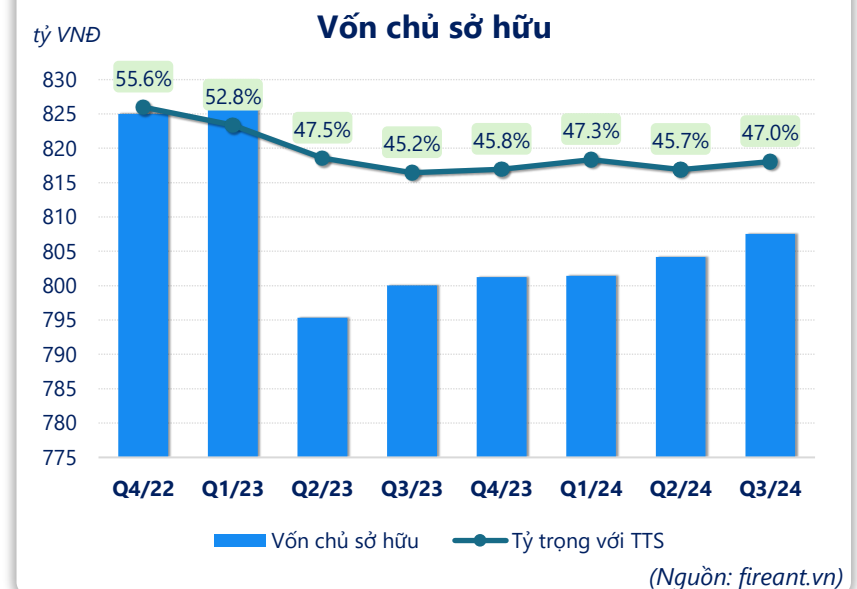
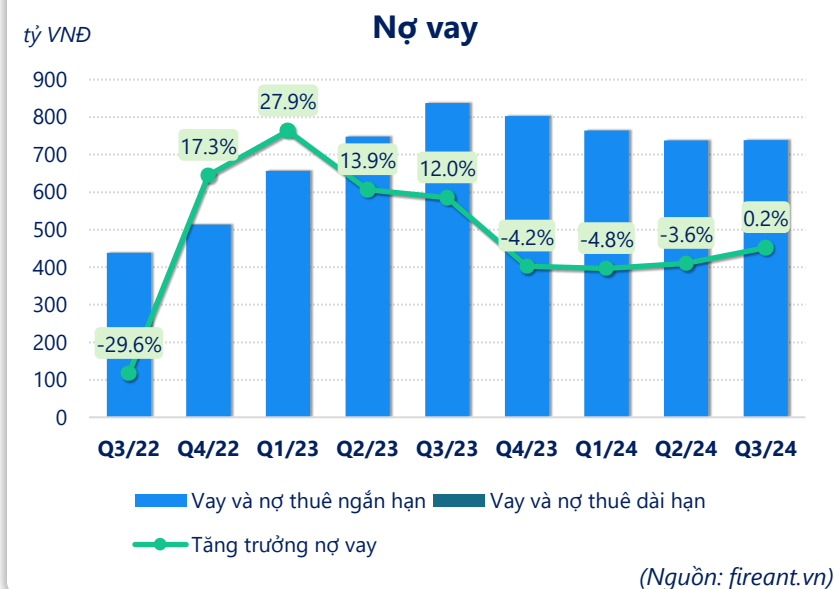
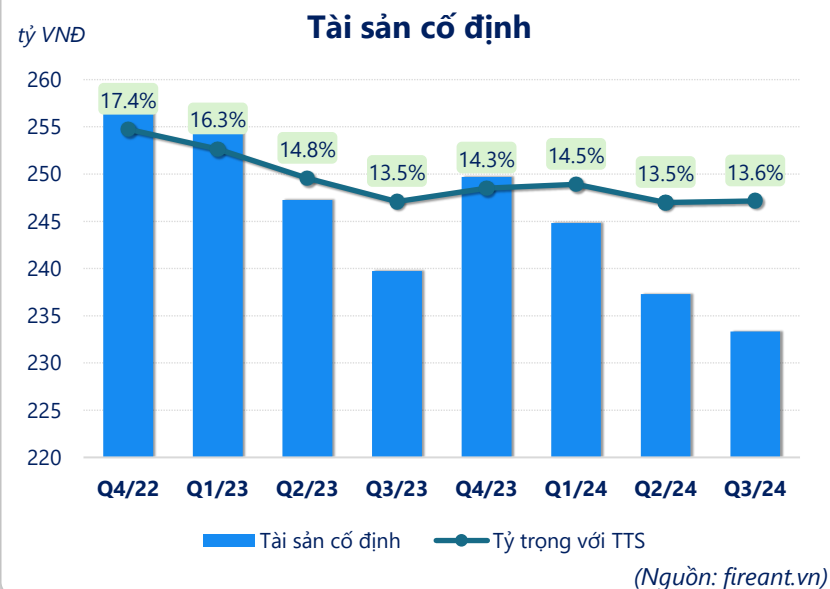
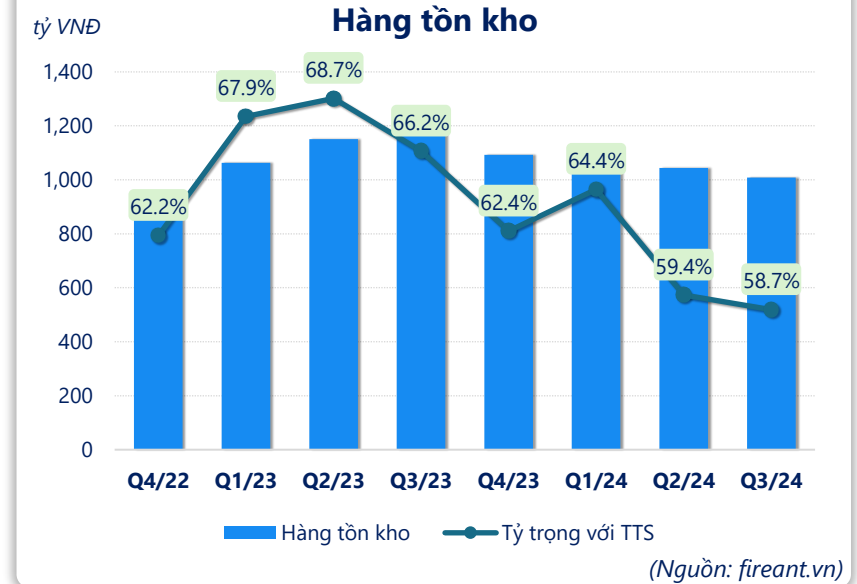
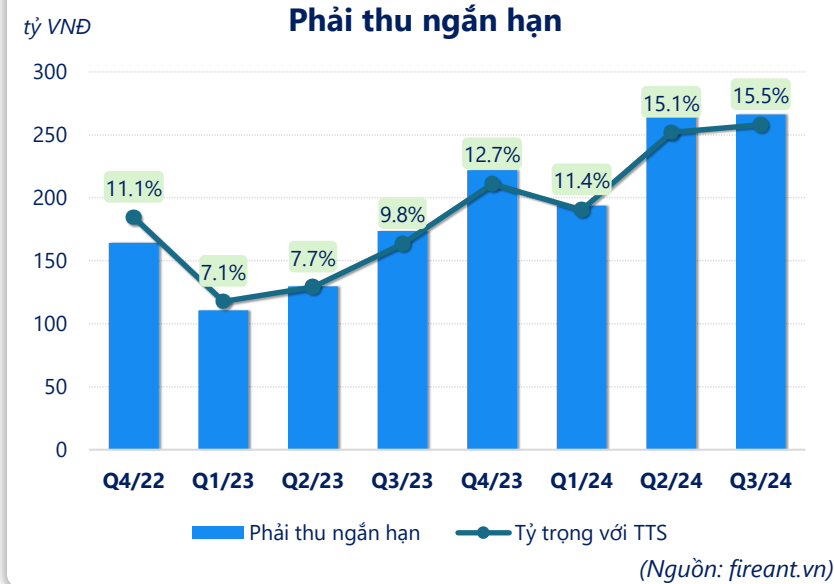
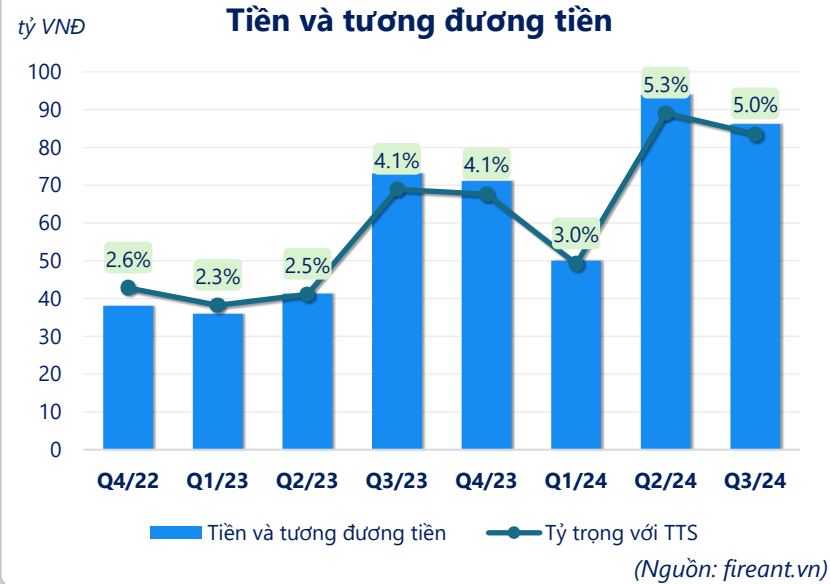
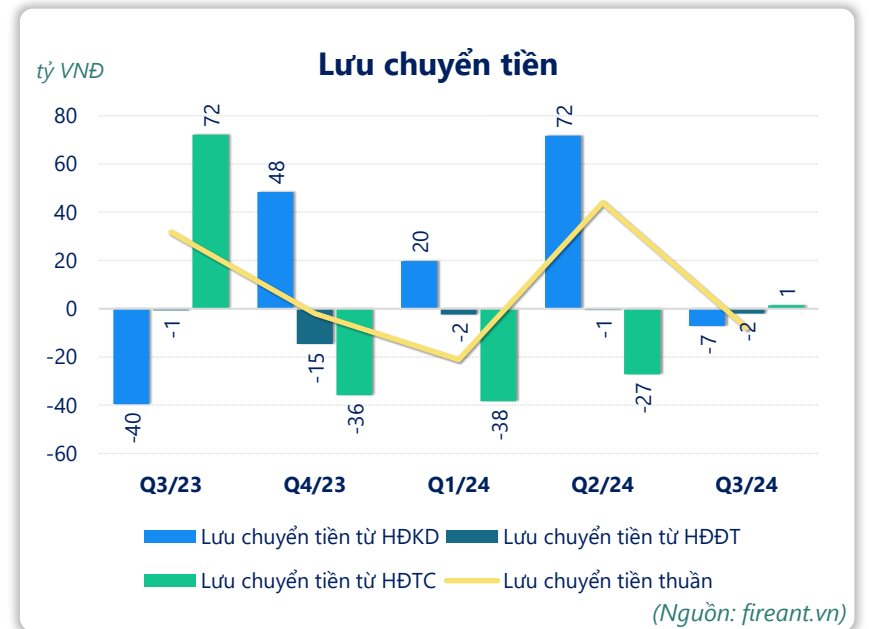
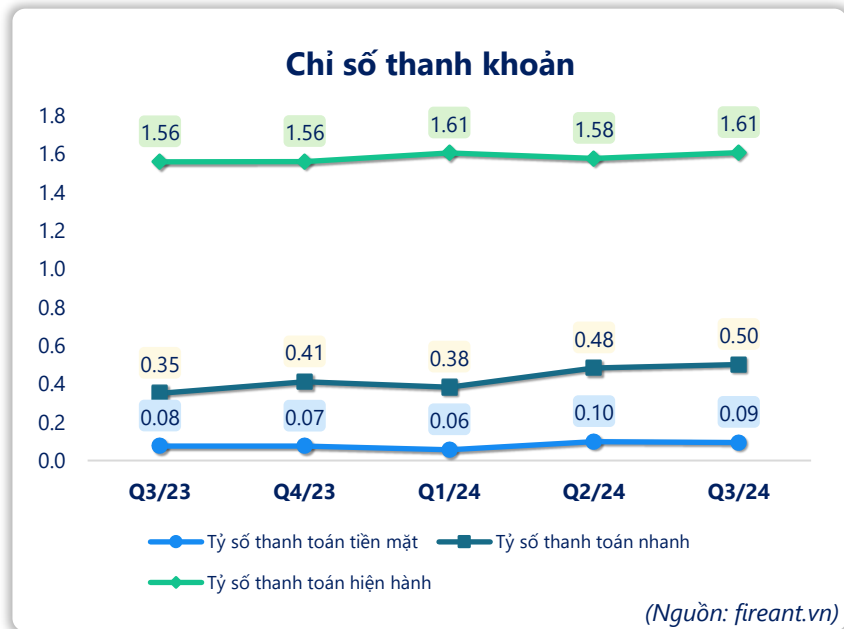
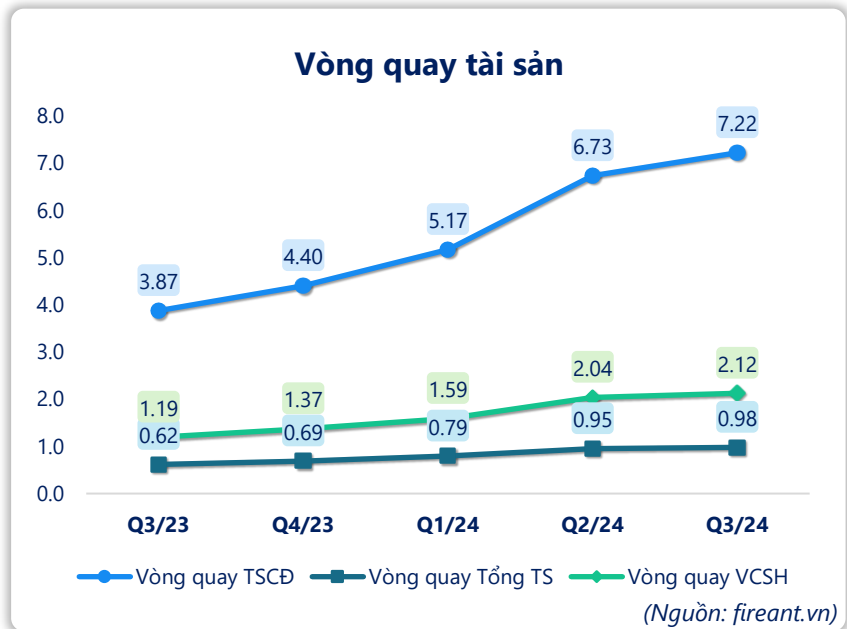
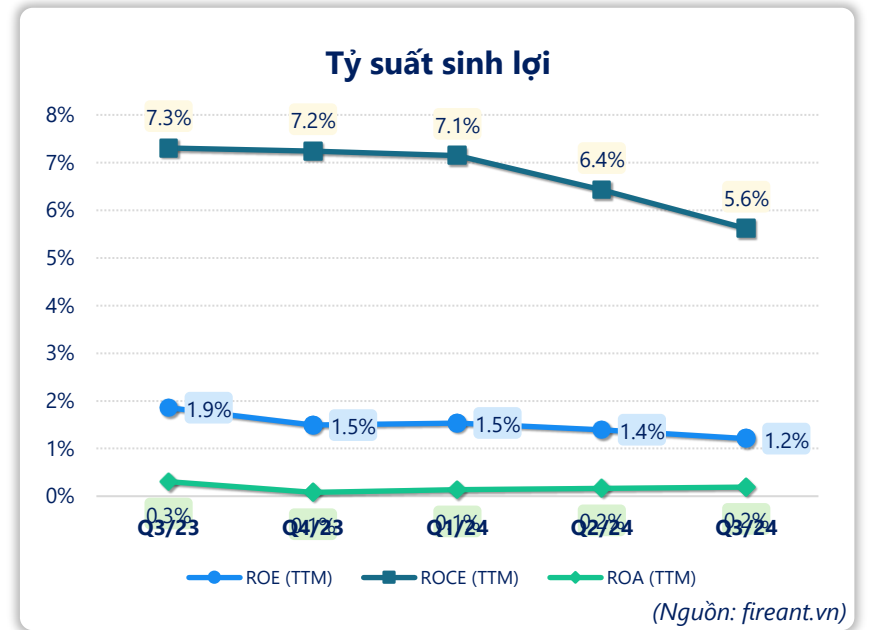
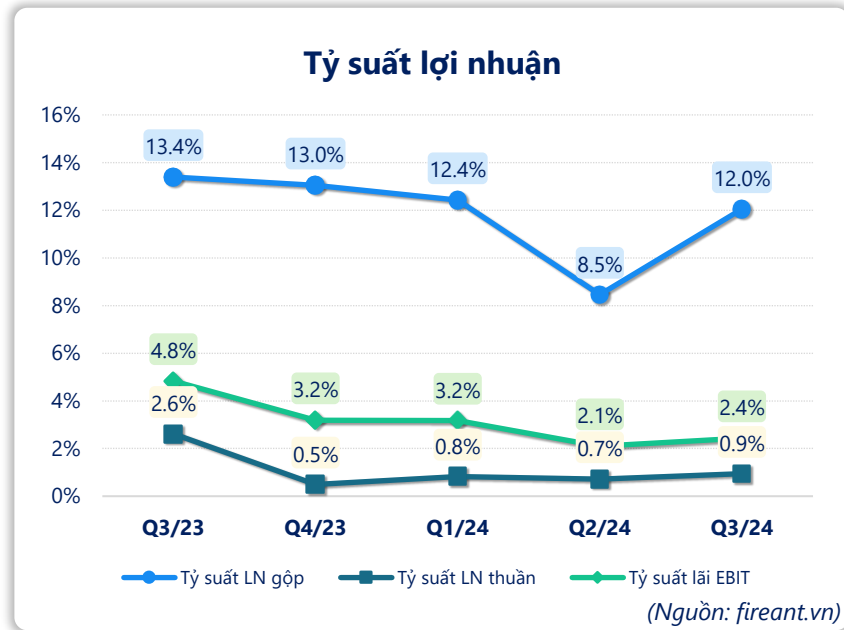
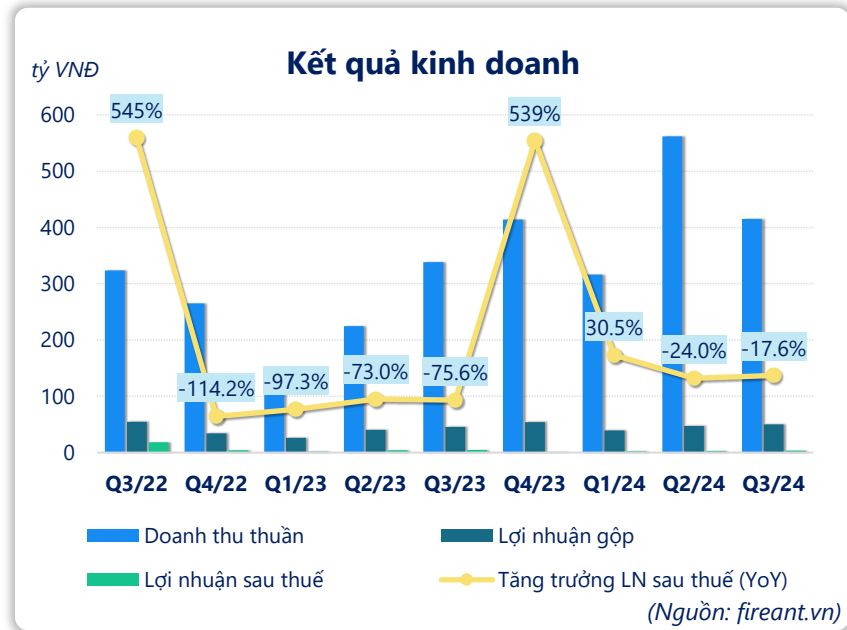


Thông tin giao dịch		30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		11,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,750
SL cổ phiếu LH		50,159,019
KLGD BQ 20 phiên (CP)		13,270
% sở hữu nước ngoài		2.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		597
P/E		61.4
EPS		194

	YTD	1T	3T	6T
ACL	0.0%	-0.8%	-7.4%	-8.5%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,719	1,749	-1.7%
Tài sản ngắn hạn	1,465	1,482	-1.1%
Tiền và tương đương tiền	86.2	71.1	21.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	266	221	20.4%
Hàng tồn kho	1,008	1,093	-7.7%
Tài sản ngắn hạn khác	104	96.9	7.8%
Tài sản dài hạn	254	267	-5.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	233	250	-6.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	8.41	6.10	38.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.00	1.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	11.0	9.48	15.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	911	950	-4.1%
Nợ ngắn hạn	911	950	-4.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	739	803	-8.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	125	93.8	32.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	808	799	1.1%
Vốn chủ sở hữu	808	799	1.1%
Vốn điều lệ	502	502	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	339	414	316	562	415
Giá vốn hàng bán	293	360	277	514	365
Lợi nhuận gộp	45.3	54.0	39.3	47.5	50.0
Doanh thu HĐTC	2.85	3.34	2.96	7.13	1.02
Chi phí TC	11.0	12.0	7.66	7.91	8.41
Chi phí lãi vay	11.0	11.4	7.46	7.78	6.26
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	18.9	25.9	21.0	28.3	28.8
Chi phí QLDN	9.46	17.4	10.9	14.4	9.92
LN thuần từ HĐKD	8.86	2.04	2.61	4.05	3.91
Lợi nhuận khác	-3.45	-0.22	-0.04	-0.03	-0.07
LN trước thuế	5.41	1.82	2.57	4.01	3.84
Lợi nhuận sau thuế	4.80	1.31	2.27	2.78	3.35
LNST của CĐ cty mẹ	4.80	1.31	2.27	2.78	3.35

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-39.6	48.5	19.7	71.8	-7.25
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.67	-14.6	-2.46	-0.61	-1.96
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	72.1	-35.8	-38.4	-27.2	1.39
Tiền đầu kỳ	41.3	73.2	71.1	50.0	94.0
Lưu chuyển tiền thuần	31.9	-1.96	-21.1	44.0	-7.82
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.02	-0.12	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	73.2	71.1	50.0	94.0	86.2

(Nguồn: fireant.vn)